

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung
2. Bà Trần Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa :
Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 26-7-2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 10-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh T, sinh 1975.

Địa chỉ: Số 22/4 Ng, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Bà Hoàng Lệ Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 22/4 Nguyễn Văn Tr, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông T có mặt, bà Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa ông T trình bày:

Ông và bà Y tự nguyện về chung sống từ năm 2001, đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, năm 2009 đã làm đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ. Khi về sống chung, vợ chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2017 đã sống ly thân cho đến

nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Y có 03 con chung Hoàng Thiên Quỳnh A, sinh ngày 15-01-2004; Hoàng Thiên Quỳnh H, sinh ngày 10-01-2006 và Hoàng Thiên H, sinh ngày 13-10-2014. Khi ly hôn ông theo nguyện vọng của các con, còn cháu H bà Y xin được trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý giao con cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản: Tài sản chung: Không có.

Tài sản nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh B - Phòng giao dịch D 800.000.000đ. Nợ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Đ số tiền 380.000.000đ. Khi ly hôn ông chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

- Bị đơn bà Y vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 12-8-2019, bà Y trình bày vợ chồng có khoản nợ chung như ông T trình bày là đúng. Khi ly hôn ông T có trách nhiệm trả số nợ trên. Về phần con chung bà và ông T có 03 con chung. Khi ly hôn bà xin nhận nuôi cháu H, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án căn cứ Điều 51; 53;56 chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Giao các con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Ông T có trách nhiệm trả cho bà Yến số tiền 250.000.000đ theo thỏa thuận.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Lệ Y đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về qua hệ hôn nhân: Ông T và bà Y tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, năm 2009 đã làm đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải vợ chồng đã về đoàn tụ. Khi về sống chung, vợ chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2017 đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà Y lại vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ông T được ly hôn bà Y là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông T và bà Y có 03 con chung Hoàng Thiên, sinh ngày 15-01-2004; Hoàng Thiên Quỳnh H, sinh ngày 10-01-2006 và Hoàng Thiên H, sinh ngày 13-10-2014. Tại phiên tòa do bà Y không đến Tòa nên khi ly hôn ông T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng. Xét quyền lợi của con, khả năng nuôi dưỡng con và nguyện vọng của các cháu Quỳnh A và cháu Quỳnh H cùng có nguyện vọng ở cùng ông T, còn cháu Huy bà Y xin được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ nhưng bà Y lại vắng mặt. Tại phiên tòa ông Tùng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng, Ông T trình bày hiện nay bà Y đang ở nhà cùng ông, bà nội, không có công việc ổn định. Xét quyền lợi mọi mặt của các con khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên, căn cứ Điều 81, 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các con chung tên Hoàng Thiên Quỳnh A, sinh ngày 15-01-2004; Hoàng Thiên Quỳnh H, sinh ngày 10-01-2006 và Hoàng Thiên Huy, sinh ngày 13-10-2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không phải cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y vắng mặt không có ý kiến trình bày nên không đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Tại phiên tòa ông T đồng ý thanh toán trả cho bà Y số tiền 250.000.000đ theo thỏa thuận nên ghi nhận.

Tài sản nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh B - Phòng giao dịch D 800.000.000đ. Nợ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Đ số tiền 380.000.000đ. Khi ly hôn ông chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên. Bà Y lại vắng mặt nên không có ý kiến. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, phía ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- chi nhánh Đ có nộp văn bản thỏa thuận V/v nhận khoản nợ và chịu trách nhiệm trả nợ tại VPBank, sau đó Tòa án thông báo số 144/TB-TA ngày 26-8-2019 gửi cho phía ngân hàng nhưng không có ý kiến nên không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là phù hợp.

[5] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Tùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Thanh T được ly hôn bà Hoàng Lệ Y.

- Về con chung: Giao các con chung tên Hoàng Thiên Quỳnh A, sinh ngày 15-01-2004; Hoàng Thiên Quỳnh H, sinh ngày 10-01-2006 và Hoàng Thiên H, sinh ngày 13-10-2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Về tài sản: Ông T có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

-Về án phí: Ông Hoàng Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014340 ngày 26-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (Đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đường sự;
- UBND thị trấn Di Linh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

K' My Na

